

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 5 - 2021

*“V/v ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Hoài

2. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Kim A**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp D, xã T. Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Kim A trình bày yêu cầu như sau:

Chị và anh Bùi Văn T về sống chung từ năm 2009 hôn nhân tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị không có tiếng nói chung luôn gây gổ vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, cuộc sống chung luôn căng thẳng, anh T còn thường

xuyên đi nhậu với bạn bè về đánh đập chị, có lần đánh chị gãy chân phải nhập viện điều trị. Vì vậy, mâu thuẫn giữa anh chị ngày một trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung tên Bùi Minh K, sinh ngày 25/11/2010; Bùi Minh Th, sinh ngày 15/6/2012 và Bùi Minh H, sinh ngày 29/3/2018, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến hòa giải (02 lần), nhưng anh T không hợp tác, cũng không trình bày ý kiến yêu cầu của mình gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị A. Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của các cháu Bùi Minh K và Bùi Minh Th: Trường hợp cha mẹ các cháu ly hôn, các cháu xin được sống chung với mẹ là Trần Kim A, do từ khi cha mẹ các cháu ly thân cháu sống với mẹ, hiện tại cuộc sống của các cháu đã ổn định.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng minh nhân dân (photo công chứng); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản chính; sổ hộ khẩu gia đình (photo công chứng); trích lục khai sinh Bùi Minh K, Bùi Minh Th và Bùi Minh H; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xác minh ngày 02/4/2021 và ngày 05/4/2021.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo các biên bản xác minh ngày 02/4/2021 và ngày 05/4/2021 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp D và ấp N cho thấy, chị A và anh T chung sống với nhau từ năm 2009, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống. Trong thời gian chung sống anh chị có ba người con chung tên Bùi Minh K, Bùi Minh Th và Bùi Minh H, hiện đang sống với chị A, chị chăm sóc chu đáo, phát triển bình thường.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt nhiều lần không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Trần Kim A đối với anh Bùi Văn T là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung: Giao các cháu Bùi Minh K, Bùi Minh Th và Bùi Minh H cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của các cháu Bùi Minh K và Bùi Minh Th là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; về cấp dưỡng: Ghi nhận ý kiến của chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T nhưng anh vẫn vắng mặt không lý, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T cưới nhau vào từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, theo giấy Chứng nhận kết hôn số 177/2011 ngày 04/10/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị A xin được ly hôn với anh T, do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị A vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T;

Còn anh T thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo hòa giải hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, trở về đoàn tụ cùng lo cho con nhưng anh T không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A;

Mặt khác, qua xác minh các ngày 02/4/2021 và ngày 05/4/2021 ý kiến của đại diện Ban lãnh đạo ấp đã xác định, trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thường xuyên cự cãi, bất hòa đời sống hôn nhân không hạnh phúc (Bút lục 49, 50).

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ chấp nhận theo

quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung tên Bùi Minh K; Bùi Minh Th và Bùi Minh H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì chị xác định có đủ điều kiện để nuôi các con chung; theo nguyện vọng của các cháu Bùi Minh K và Bùi Minh Th khi chị A và anh T ly hôn thì yêu cầu được sống với chị A.

Xét yêu cầu của chị A và nguyện vọng của con anh chị là phù hợp với điều kiện sinh sống hiện tại, không trái đạo đức và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung: Chị A không yêu cầu nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Kim A và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung:

Giao các cháu Bùi Minh K, sinh ngày 25/11/2010; Bùi Minh Th, sinh ngày 15/6/2012 và Bùi Minh H, sinh ngày 29/3/2018 cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của các cháu Bùi Minh K và Bùi Minh Th.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại

khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Kim A có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007170 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn

Trần Thị Chon